

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/HS-ST
Ngày 09 - 5 - 2025

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Út

Ông Đỗ Quang Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang-T, tỉnh Ninh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2025/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị S, sinh năm 1964 tại Ninh Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố C, phường B, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ô và bà Nguyễn Thị T; có chồng đã ly hôn và 03 người con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**** Người làm chứng:***

- Bà Đỗ Thị Minh T1, sinh năm 1993; (Có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố E, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố A, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Thiệu Quang V, sinh năm 1956; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố G, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Lại Thị H1, sinh năm 1956; (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu phố B, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2024, việc buôn bán quán nhậu “Ngọc S1” ở khu phố C, phường B, thành phố P-T do Nguyễn Thị S làm chủ, không thuận lợi nên Sáng thỏa thuận với hai nhân viên tiếp bia là Đỗ Thị Minh T1 và Nguyễn Thị Thu H về việc khi khách là đàn ông đến quán nhậu thì T1, H sẽ ra tiếp bia và gợi ý việc bán dâm với khách. Sau khi bán dâm xong T1, H phải đưa Sáng số tiền 50.000 đồng/ 01 lượt thì T1, H đồng ý.

Trong ngày 16/12/2024, trên địa bàn thành phố P-T, S đã 02 lần thực hiện hành vi môi giới mại dâm, cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* Khoảng 10 giờ ngày 16/12/2024, khi đang làm việc tại quán nhậu “Ngọc S1”, T1 ngồi tiếp bia và nói chuyện với Thiều Quang V và người tên T2 (*chưa xác định được nhân thân lai lịch*). Tại đây, V thỏa thuận về việc mua bán dâm với T1 với giá 300.000 đồng thì Tiên đồng ý. Sau đó, V và T1 đến thuê phòng số 6, nhà nghỉ H4 ở khu phố B, phường P do bà Lại Thị H1 làm chủ. Sau khi thực hiện hành vi mua bán dâm xong, V đưa số tiền 300.000 đồng cho T1, sau đó T1 đi về quán gặp và đưa số tiền 50.000 đồng cho S1.

- *Lần thứ hai:* Khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, khi đang ăn nhậu tại quán nhậu “Ngọc S1”, Lê Anh T3 (*sinh năm: 1985, trú tại: Khu phố F, phường P*) thỏa thuận về việc mua bán dâm với H với giá 300.000 đồng thì H đồng ý. Sau đó, T3 và H đến thuê phòng số 3, nhà nghỉ H4 để thực hiện hành vi mua bán dâm. Lúc này, Nguyễn Văn H2 (*sinh năm: 1983, trú tại: Khu phố D, phường P*) cũng đi đến nhà nghỉ H4 gặp T3 để cùng nhau thực hiện hành vi mua dâm. Tại đây, H2 thuê phòng số 06, sau khi gặp H2, T3 sử dụng số điện thoại 0825783832 gọi vào số điện thoại 0817243196 của Sáng yêu cầu thêm người bán dâm. Sau đó, S1 nói T1 đến phòng số 06 nhà nghỉ H4 để thực hiện hành vi mua bán dâm với giá 350.000 đồng thì Tiên đồng ý và đến nơi theo yêu cầu của Sáng. Trong quá trình, H và T3 đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng số 03 nhà nghỉ H4; T1 và H2 đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng số 06 nhà nghỉ H4 thì bị lực lượng công an kiểm tra, phát hiện.

Bản Cáo trạng số 52/CT-VKSPRTC ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - T truy tố bị cáo Nguyễn Thị S về tội “Môi giới mại dâm” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị S khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội “Môi giới mại dâm”. Áp dụng: Điểm d, đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự; Điểm s (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1; Khoản 2 (có hoàn cảnh khó khăn, em của liệt sĩ) Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, cho hưởng án treo.

Bị cáo không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn hối cải về hành vi của bản thân, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố P-T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang-T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có cơ sở xác định: Ngày 16/12/2024, Nguyễn Thị S có hai lần thực hiện hành vi trung gian dẫn dắt người khác thực hiện việc mua bán dâm, trong đó có một lần làm trung gian môi giới cho hai người thực hiện mua bán dâm. Do đó, Bản Cáo trạng số 52/CT-VKSPRTC ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang-T truy tố bị cáo Nguyễn Thị S về tội “Môi giới mại dâm” với tình tiết định khung “Phạm tội 02 lần trở lên”, “Đối với hai người trở lên” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 328 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trật tự công cộng mà còn ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Do đó, phải xử phạt bị cáo mức án phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả mà hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình tố tụng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có hoàn cảnh khó khăn, là em ruột của liệt sĩ, tự nguyện nộp lại tiền thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội

đồng xét xử xét thấy: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, là người cao tuổi, là em ruột của liệt sĩ Nguyễn Văn H3- hi sinh khi làm nhiệm vụ tại Campuchia, bị cáo có nhiều bệnh nền, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo, không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự cũng đủ để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với: 01 (một) áo ngực màu vàng xanh, 01 (một) quần lót màu trắng, 01 (một) áo ngực màu đen, 01 (một) quần lót màu đen, 01 (một) điện thoại di động hiệu S3, 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobell, 01 (một) xe mô tô biển số: 85V2-2054; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo; 01 (một) xe mô tô biển số: 85B1-86302; 01 (một) điện thoại di động hiệu Honor, đây là tài sản không liên quan đến tội phạm, trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

[6.2] Đối với: 02 (hai) bao cao su đã qua sử dụng là tang vật vụ án, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6.3] Đối với: 01 (một) điện thoại di động hiệu N1; Số tiền 800.000 đồng. Đây là tiền, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước

[7] Đối với Đỗ Thị Minh T1, Nguyễn Thị Thu H, Thiều Quang V là người thực hiện hành vi mua bán dâm, đề nghị Cơ quan điều tra chuyển xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với Lê Anh T3, Nguyễn Văn H2 là những người đã thực hiện hành vi mua dâm, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch, đề nghị tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý vi phạm hành chính của người mua dâm theo quy định của pháp luật. Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo của Lê Anh T3 đề nghị cơ quan điều tra xử lý khi xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với bà Lại Thị H1 là chủ nhà nghỉ H4 để xảy ra hoạt động mua dâm, bán dâm do bà H1 quản lý, đề nghị Cơ quan điều tra chuyển xử phạt vi phạm hành chính.

[10] Quan điểm của Viện kiểm sát về việc định tội, định khung hình phạt đối với bị cáo, quan điểm xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí hình sự sơ thẩm nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Điểm d, đ khoản 2 Điều 328; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội “Môi giới mại dâm”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị S 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm, kể từ ngày 09/5/2025.

Giao bị cáo Nguyễn Thị S cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ: Các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ: 02 bao cao su, đã qua sử dụng.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu N1, bàn phím, số IMEI: 353159119267745, 353159119764147.

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 800.000 đồng (bằng chữ: tám trăm nghìn đồng).

(Vật chứng, tiền nêu trên hiện đang được quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/4/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – T và Theo Ủy nhiệm chi ngày 11-4-2025 tại Phòng G-Kho bạc Nhà nước Khu vực XV giữa đơn vị trả tiền: Công an tỉnh N và đơn vị nhận tiền: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-T, tỉnh Ninh Thuận).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị S được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt bị cáo, quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. PR-TC;
- CQĐT Công an tỉnh Ninh Thuận;
- CQTHAHS Công an tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

Trương Trần Thanh Thư